

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HS-PT

Ngày: 31 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 189/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Công K**, sinh năm 1979; tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: số A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A, khu phố Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 (chết) và bà Nguyễn Thị T2; có vợ Tạ Trần Thu T3 và 01 người con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 21/7/1999, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo 09 tháng tù, về tội “Hủy hoại tài sản công dân” tại Bản án số 26/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 01/02/2000.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1987; tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: số A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H; có vợ Bùi Phi D và 03 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Tấn T1**, sinh năm 1982; tại tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ).

Nơi thường trú: ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2; có vợ Nguyễn Thị Thùy T4 và 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T*: Ông Phương Văn T5, Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Tấn T1*: Ông Đỗ Hiếu N, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T6 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Ngoài ra, bị cáo cũng là bị hại Nguyễn Hoàng P; người đại diện hợp pháp của bị cáo P là ông Nguyễn Thành H3 và bà Trần Thị H4; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ái H5, Nguyễn Văn L1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/05/2024, sau khi sử dụng rượu bia tại nhà số A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A, khu phố Đ, phường P, tỉnh Vĩnh

Long), bị cáo Nguyễn Hoàng P đến nhà của ông Nguyễn Văn S (tên thường gọi là Sáu Vườn C) tại địa chỉ số A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A, khu phố Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long) chơi. Trên đường đi ngang qua quán nước do chị Nguyễn Thị Ái H5 địa chỉ số A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A A, khu phố Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long) làm chủ, bị cáo P nhìn thấy các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T và Trần Tấn T1 đang ngồi uống nước có người chỉ tay về phía mình nên bị cáo P đi đến bàn của các bị cáo K, T và T1 nói “Mấy ông đừng có nhiều chuyện” rồi lấy hai lưỡi kéo từ trong túi quần ra cầm mỗi tay một lưỡi kéo đâm về phía các bị cáo K, T và T1 nhưng các bị cáo đều né tránh nên không trúng, bị cáo P bỏ đi qua nhà ông S.

Do bức tức việc bị cáo P vô cớ kiểm chuyện nên bị cáo K chạy vào quán của chị H5 lấy một ống kim loại tròn chiều dài 36,5cm, đường kính ngoài 3,4cm, đường kính trong 2,5cm dùng để đập nước đá đi ra nói “Nó đâu rồi”, bị cáo T trả lời “Nó mới đi đâu qua bên lộ đó đó”, bị cáo K nói với các bị cáo T và T1 “Đi kiểm nó nói chuyện cho ra lẽ” thì được các bị cáo T và T1 đồng ý. Bị cáo T nói “Nó có dao, anh em mình phải kiểm cái gì mang theo để phòng thủ, mình đi không nó cầm dao có chuyện gì nó đâm mình chết”. Nghe bị cáo T nói vậy nên bị cáo K quay trở vào quán nước lấy một thanh kim loại dài 95,5cm, đường kính thân 03cm, đầu dẹp rộng 9,5cm trên thân kim loại có nhiều vân, có một đầu nhọn (cây xà beng); các bị cáo T1, T chạy tới xưởng cửa sắt của bị cáo T1 gần đó, bị cáo T1 lấy một thanh kim loại, hình vuông có cạnh kích thước 03cm, màu trắng, dài 55cm và một thanh kim loại, kích thước 03cm x 06cm, màu trắng, dài 79cm; bị cáo T lấy một thanh kim loại vuông có cạnh kích thước 1,4cm, màu trắng, dài 107cm rồi cả ba cùng đi qua nhà ông S tìm bị cáo P. Lúc này, bị cáo P đang ngồi nói chuyện với ông S trong nhà nghe tiếng các bị cáo K, T và T1 lớn tiếng tìm mình nên bị cáo P chạy ra phát hiện các bị cáo K, T và T1 trên tay có cầm hung khí nên bị cáo P lấy trong túi quần ra hai lưỡi kéo, hai tay cầm hai lưỡi kéo xông vào đâm nhiều cái trúng vào trán, thái dương, tai phải, vai phải bị cáo K gây thương tích, bị cáo K cầm xà beng đánh trúng vào vùng đầu và người của bị cáo P, bị cáo T1 hai tay cầm hai cây sắt vuông, bị cáo T cầm một cây sắt vuông đánh bị cáo P, bị cáo P đưa tay trái lên đỡ rồi bị cáo P thụt lùi té xuống kênh nước trước nhà ông S, bị cáo K nhảy xuống kênh, tay cầm cây xà beng đánh trúng vào vùng đầu của bị cáo P rồi cả hai giăng co dưới kênh, bị cáo K giật được một lưỡi kéo trên tay của bị cáo P cầm đâm hai cái trúng vào vùng ngực phải rồi gạch một đường ngang ngực của bị cáo P. Sau đó, bị cáo K bỏ lên

bờ, bị cáo P đứng dưới kênh tiếp tục chửi “M chiều tao đâm chết mẹ mày luôn”, bị cáo T đứng trên bờ kênh nhặt hai cục gạch ống trước cửa nhà ông Sáu C1 trúng vào vùng mặt và mũi của bị cáo P gây thương tích rồi cả ba bỏ đi về. Sau đó, bị cáo P và bị cáo K được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu và điều trị thương tích.

Tại Kết luận giám định số 295/24/KTTTCT/TTPYBT ngày 12/09/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tổn thương cơ thể trên người sống đối với Nguyễn Công K:

1. Các kết quả chính: Sẹo trán phải kích thước trung bình; Sẹo vành tai phải không co rúm; Sẹo thái dương phải kích thước nhỏ; Sẹo vùng cằm phải kích thước nhỏ; Sẹo vai phải kích thước nhỏ; Lõm sọ trán phải kích thước dưới 03cm.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Công K tại thời điểm giám định là: 17%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Phân tích tỷ lệ từng vết thương: Sẹo trán phải kích thước trung bình 06%; Sẹo vành tai phải không co rúm 01%; Sẹo thái dương phải kích thước nhỏ 01%; Sẹo vùng cằm phải kích thước nhỏ 01%; Sẹo vai phải kích thước nhỏ 01%; Lõm sọ trán phải kích thước dưới 03cm 08%. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Kết luận giám định số 296/24/KTTTCT/TTPYBT ngày 12/09/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tổn thương cơ thể trên người sống đối với Nguyễn Hoàng P:

1. Các kết quả chính: 02 vết thương ngực phải kích thước nhỏ; Sẹo mặt trước 1/3 giữa cánh tay trái kích thước nhỏ; Sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước trung bình; Sẹo thái dương trái kích thước trung bình; Sẹo đỉnh trái kích thước trung bình; Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở; Gãy cung gò má trái; Gãy thành ngoài ổ mắt trái; Vỡ xoang hàm trái; Tổn thương màng phổi phải không phẫu thuật.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng P tại thời điểm giám định là: 33%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Phân tích tỷ lệ từng vết thương: 02 vết thương ngực phải kích

thước nhỏ, mỗi sẹo 01%; Sẹo mặt trước 1/3 giữa cánh tay trái kích thước nhỏ 01%; Sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước trung bình 02%; Sẹo thái dương trái kích thước trung bình 02%; Sẹo đỉnh trái kích thước trung bình: 02%; Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng chức năng thở 07%; Gãy cung gò má trái 08%; Gãy thành ngoài ổ mắt trái 05%; Vỡ xoang hàm trái: 07%; Tổn thương màng phổi phải không phẫu thuật: 03%. Cơ chế hình thành thương tích: 02 vết thương ngực phải, sẹo mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái: Do vật sắc nhọn gây ra. Các vết thương còn lại: Do vật tày có cạnh gây ra.

Tại Công văn số 93/CV-PY ngày 13/05/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre phúc đáp: Nếu không tính các thương tích vết thương sẹo đỉnh trái, sẹo thái dương trái và hai vết thương ở ngực phải thì tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng P là 27%.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 177/25/KLTTCT-TTPYVL ngày 18/7/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long, kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo ngực khoang liên sườn 2,3 kích thước trung bình:

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Hoàng P tại thời điểm giám định bổ sung là 02%. Nếu cộng 02 vết thương ngực (P) vị trí liên sườn IV đường nách giữa, kích thước 1,5 x 1cm bờ gọn, rỉ máu (gây tổn thương màng phổi phải) với vết thương ngực phía trước khoang liên sườn 2-3 từ bên (T) qua bên (P) nông, kích thước #10cm, bờ gọn, rỉ máu, thấy mô mỡ dưới da là 07%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể các thương tích của Nguyễn Hoàng P là 34%.

Tại Bản kết luận giám định vật gây thương tích số 94/KLVGTT-PVPYQG ngày 21/05/2025 Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Các kết quả chính: Sẹo kích thước trung bình vùng đỉnh trái; Sẹo kích thước trung bình vùng thái dương trái; 02 vết sẹo kích thước nhỏ vùng ngực phải; Sẹo kích thước nhỏ vùng 1/3 giữa trước cánh tay trái; Sẹo kích thước nhỏ vùng 1/3 dưới sau trong cẳng tay trái; Gãy thành hốc mắt trái. Gãy xương mũi hai bên. Vỡ xoang hàm trái; Vết lõm cũ bản ngoài sọ đỉnh phải là tổn thương xảy ra trước ngày 03/05/2024 nên không xác định cơ chế và vật gây thương tích;

Mẫu vật gửi giám định là cây xà beng, 03 thanh kim loại, 01 ống kim loại, 02 cục gạch và 01 nữa cây kéo được miêu tả chi tiết ở trên. Kết quả đối chiếu mẫu vật gửi giám định với thương tích vùng đỉnh trái, vùng thái dương trái; vùng ngực phải; vùng cánh tay trái; vùng cẳng tay trái; gãy thành hóc mắt trái; gãy xương mũi hai bên; vỡ xoang hàm trái.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ kết quả giám định vật gây thương tích được cơ quan trưng cầu giám định gửi đến phù hợp với đặc điểm tổn thương, xác định: Mẫu vật gửi giám định là 01 cây xà beng, 03 thanh kim loại, 01 ống kim loại, 02 cục gạch (ký hiệu M1, M2, M3, M4, M6, M7) có thể gây ra được các thương tích vùng đỉnh trái, vùng thái dương trái, cẳng tay trái, gãy thành hóc mắt trái, gãy xương mũi hai bên, vỡ xoang hàm trái của Nguyễn Hoàng P. Mẫu vật gửi giám định là 01 ống kim loại (ký hiệu M5) có thể gây ra được các thương tích gãy thành hóc mắt trái, gãy xương mũi hai bên, vỡ xoang hàm trái của Nguyễn Hoàng P. Mẫu vật gửi giám định số 08 (ký hiệu M8) có thể gây ra được thương tích vùng ngực phải, vùng 1/3 giữa trước cánh tay trái và vùng 1/3 giữa dưới sau trong cẳng tay trái của Nguyễn Hoàng P. Mẫu vật gửi giám định số 04 (ký hiệu M4) có thể gây ra được thương tích vùng 1/3 giữa trước cánh tay trái của Nguyễn Hoàng P.

2.2. Kết luận khác: Thương tích vùng đỉnh, thái dương trái của Nguyễn Hoàng P là do vật tày, vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra; Thương tích gãy thành hóc mắt trái, gãy xương mũi hai bên, vỡ xoang hàm trái của Nguyễn Hoàng P là do vật tày, vật tày có cạnh tác động trực tiếp theo hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải gây ra; Thương tích vùng ngực phải, cánh tay trái của Nguyễn Hoàng P là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây ra; Thương tích vùng đỉnh trái, thái dương trái, cánh tay trái, cẳng tay trái của Nguyễn Hoàng P là do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra. Do các thương tích vùng đầu và thái dương trái đã liền sẹo nên không đủ cơ sở xác định chiều hướng vật tác động. Do tay là cơ quan vận động của cơ thể nên không có cơ sở xác định chiều hướng hình thành vết thương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 55/2025/KLGD, ngày 27/02/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

- Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Căn cứ tiêu chuẩn chuẩn đoán của Tổ chức y tế thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10); căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Y ban

hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong pháp y tâm thần, các giám định viên tham gia giám định xác định đối tượng giám định: Nguyễn Hoàng P, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi gây thương tích và hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng nhiều loại ma túy và các chất tác động tâm thần khác (F19.71 - ICD10).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Nghị định số: 64/2011/NĐ-CP ngày 28/07/2011 của Chính phủ quy định việc thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh; căn cứ vào khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của đối tượng giám định trong từng thời điểm, đặc biệt tại thời điểm xảy ra vụ việc, các Giám định viên tham gia giám định thảo luận và xác định đối tượng giám định có tình trạng nhận thức, điều khiển hành vi sau đây: Tại thời điểm thực hiện hành vi gây thương tích và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại đương sự không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo Nghị định số: 64/2011/NĐ-CP.

Tại Công văn giải thích kết luận giám định pháp y tâm thần số 55.1/PYTNTNB ngày 27/02/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ liên quan đương sự Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1996, giới tính: Nam như sau: Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm thực hiện hành vi gây thương tích và hiện tại: đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự. Đương sự thuộc trường hợp xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 đã bồi thường cho Nguyễn Hoàng P số tiền 25.600.000 đồng trong đó: bị cáo T 12.000.000 đồng; bị cáo T1 13.600.000 đồng. Nguyễn Hoàng P không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, T1. Bị cáo Nguyễn Công K đã bồi thường cho Nguyễn Hoàng P số tiền 15.400.000 đồng, P không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K. Bị cáo Nguyễn Công K không yêu cầu Nguyễn Hoàng P bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho P.

Vật chứng tạm giữ:

- Một thanh kim loại, hình vuông có cạnh kích thước 03cm, màu trắng, dài 55cm, trọng lượng 660gram; Một thanh kim loại, kích thước 03cm x 06cm, màu trắng, dài 79cm, trọng lượng 1,2kg;

- Một thanh kim loại vuông có cạnh kích thước 1,4cm, màu trắng, dài 107cm, trọng lượng 440gram; Một thanh kim loại (cây xà beng), dài 95,5cm, đường kính thân 03cm, đầu dẹp rộng 9,5cm, trọng lượng 3,21kg, trên thân kim loại có nhiều vân, có một đầu nhọn (đầu nhọn và giữa thân dính bùn đất);
- Một ống kim loại hình tròn, dài 36,5cm, đường kính ngoài 3,4cm, đường kính trong 2,5cm, trọng lượng 910gram;
- Một đoạn kim loại, màu trắng, có một vết màu nâu nghi là máu, dài 0,8cm, có một đầu nhọn, nơi rộng nhất 0,15cm, nơi hẹp nhất 0,1cm, có bề sắt (thu trên đầu của K tại bệnh viện N1);
- Một cục gạch ống dài 18cm, rộng 7,5cm, cao 7,5cm, nặng 1,250 gram và một cục gạch ống dài 18cm, rộng 7,5cm, cao 7,5cm, nặng 1,380 gram;
- Một nửa lưỡi kéo bằng kim loại, kích thước 17cm x 0,8cm, bên trên có ghi chữ VIKO, lưỡi có đầu nhọn dài 6,5cm, thân có lỗ tròn đường kính 02cm;
- Một đĩa DVD chứa đoạn camera thời gian ghi nhận từ 18 giờ 10 phút 18 giây đến 18 giờ 18 phút 15 giây ngày 03/5/2024 (đã niêm phong).

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo Nguyễn Công K không thừa nhận hành vi nhảy theo bị cáo Nguyễn Hoàng P xuống kênh rồi giật lưỡi kéo đâm bị cáo P gây thương tích vùng ngực, bị cáo Nguyễn Hoàng P khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 27/6/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn T1 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng P 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2025, bị cáo Nguyễn Công K có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, bị cáo Trần Tấn T1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo K, T và T1 trình bày thống nhất tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử; bị cáo K giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T và bị cáo T1 giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy Bản án hình sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau: Hồ sơ vụ án không có 04 quyết định phê chuẩn khởi tố bị can; hồ sơ giám định tỷ lệ thương tật không có bệnh án của Nguyễn Hoàng P; toàn bộ thương tích của P ghi nhận không đúng với giấy ra viện; kết luận giám định thương tích của P được xác định lúc đầu là 27 % tiếp đến 33% sau đó là 39% nhưng không phù hợp với thương tích của P như giấy ra viện. Do sai sót của cấp sơ thẩm Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết hủy án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo K và P đều có đơn từ chối giám định và bãi nại lẽ ra chỉ nên xử phạt hành chính là phù hợp vì các bên đều đã bãi nại và bồi thường xong. Về tính chất côn đồ, bị cáo T và bị cáo T1 không có mâu thuẫn với P, còn P có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy; bị cáo K và bị cáo P được xác định tính chất côn đồ là phù hợp, riêng T và T1 là không có tính côn đồ.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục được thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết bị cáo T và T1 đến cơ quan công an tự thú vì tình tiết này Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem

xét; ngoài ra bị cáo T có nhân thân tốt, có con còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Tấn T1 trình bày: Bị cáo T1 có thực hiện hành vi đánh P nhưng do P đánh bị cáo T1 nên bị cáo T1 mới đánh lại là tình thế cấp thiết; bị cáo T1 chỉ đánh P một cái vào tay và tự chấm dứt hành vi phạm tội. Bị cáo T1 đồng phạm với các bị cáo T và K nhưng thương tích của bị cáo T1 gây ra cho P chỉ có 02% và không có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án, tuyên phạt bị cáo T1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: Hành vi phạm tội của bị cáo K, bị cáo T và bị cáo T1 đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng các bị cáo T và T1 phạm tội có tính chất côn đồ nên không có đủ căn cứ hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo K có cung cấp thêm giấy khen của mẹ bị cáo có công với cách mạng nhưng tình tiết này được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực D - Vĩnh Long.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 27/6/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (Ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn T1 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Công K: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo sớm trở về nhà lo cho vợ và con.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh T: Thống nhất lời bào chữa của luật sư và mong Hội đồng xét xử xử án đúng sự thật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Tấn T1: Bị cáo là trụ cột chính trong gia đình, bộ đội xuất ngũ, xin Hội đồng xét xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, các Luật sư; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo K, T và T1 nộp trong hạn luật định là hợp lệ, phù hợp quy định Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T và Trần Tấn T1 tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra; cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 18 giờ ngày 03/5/2024, sau khi sử dụng rượu bia, bị cáo Nguyễn Hoàng P đến nhà ông Nguyễn Văn S chơi, khi đi ngang quán nước của chị Nguyễn Thị Ái H5 nhìn thấy trong quán có các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 có người chỉ tay về hướng bị cáo P nên bị cáo P đến chỗ các bị cáo K, T và T1 đang ngồi và nói “Mấy ông đừng có nhiều chuyện” rồi dùng lấy hai lưỡi kéo từ trong túi quần ra cầm mỗi tay một lưỡi kéo đâm về phía các bị cáo K, T và T1 nhưng không trúng, bị cáo P bỏ đi qua nhà ông S. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, do bức tức việc bị cáo P vô cớ kiểm chuyện nên bị cáo K vào quán nước của chị H5 lấy một ống kim loại tròn, dài 36,5cm, đường kính ngoài 3,4cm, đường kính trong 2,5cm dùng để đập nước đá đi ra nói “Nó đâu rồi”, bị cáo T trả lời “Nó mới đi đâu qua bên lộ đó đó”, bị

cáo K nói với các bị cáo T và T1 “Đi kiếm nó nói chuyện cho ra lẽ” thì được các bị cáo T và T1 đồng ý. Bị cáo T nói “Nó có dao, anh em mình phải kiếm cái gì mang theo để phòng thủ, mình đi không nó cầm dao có chuyện gì nó đâm mình chết”; nghe bị cáo T nói vậy nên bị cáo K quay trở vào quán nước lấy một thanh kim loại dài 95,5cm, đường kính thân 03cm, đầu dẹp rộng 9,5cm trên thân kim loại có nhiều vân, có một đầu nhọn (cây xà beng); các bị cáo T1, T chạy tới xưởng cửa sắt của bị cáo T1 gần đó, bị cáo T1 lấy một thanh kim loại, hình vuông có cạnh kích thước 03cm, màu trắng, dài 55cm và một thanh kim loại, kích thước 03cm x 06cm, màu trắng, dài 79cm, bị cáo T lấy một thanh kim loại vuông có cạnh kích thước 1,4cm, màu trắng, dài 107cm rồi cả ba cùng đi qua nhà ông S tại địa chỉ A, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số A, khu phố Đ, phường P, tỉnh Vĩnh Long) tìm bị cáo P. Bị cáo P trong nhà ông S nghe tiếng các bị cáo K, T và T1 lớn tiếng tìm mình nên bị cáo P chạy ra và lấy trong túi quần ra hai lưỡi kéo, hai tay cầm hai lưỡi kéo xông vào đâm nhiều cái trúng vào trán, thái dương, tai phải, vai phải bị cáo K gây thương tích, bị cáo K cầm xà beng đánh trúng vào vùng đầu và người của bị cáo P, bị cáo T1 hai tay cầm hai cây sắt vuông, bị cáo T cầm một cây sắt vuông đánh bị cáo P, bị cáo P đưa tay trái lên đỡ rồi bị cáo P thụt lùi té xuống kênh nước trước nhà ông S, bị cáo K nhảy xuống kênh, tay cầm cây xà beng đánh trúng vào vùng đầu của bị cáo P rồi cả hai giăng co dưới kênh, bị cáo K giật được một lưỡi kéo trên tay của bị cáo P cầm đâm hai cái trúng vào vùng ngực phải rồi gạch một đường ngang ngực của bị cáo P. Sau đó, bị cáo K bỏ lên bờ, bị cáo P đứng dưới kênh tiếp tục chửi “M chiều tao đâm chết mẹ mày luôn”, bị cáo T đứng trên bờ kênh nhặt hai cục gạch ống trước cửa nhà ông Sáu C1 trúng vào vùng mặt và mũi của bị cáo P gây thương tích. Do mâu thuẫn nhỏ nhất các bị cáo K, T và T1 sử dụng xà beng, giật lưỡi dao, thanh kim loại (thanh sắt vuông); gạch ống là những hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng đầu, tay, ném gạch trúng vào mặt, đâm vào vùng ngực của Nguyễn Hoàng P gây thương tích với tỷ lệ 34% đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo K, T và T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm, khoản, điều luật trên là có căn cứ, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo K, T và T1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác và gây mất an ninh trật tự, an toàn xã

hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc phân công người thực hiện, bị cáo K là người khởi xướng, cùng các bị cáo T, T1 chuẩn bị hung khí và cùng đi tìm bị hại P, cùng tấn công và gây thương tích cho bị hại P. Các bị cáo không xác định được vị trí gây thương tích trên cơ thể bị hại P và cũng không có sự can ngăn nhau khi thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo K, T và T1 cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tỷ lệ thương tích 34% của bị hại P.

[4] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Công K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và áp dụng khoản 1 Điều 54 của của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi tuyên phạt hình phạt đối với bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo T, T1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo K cung cấp bằng khen của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị T2 có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, mặc dù đây là tình tiết giảm nhẹ mới nhưng thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng và hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo K nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo K, giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thanh T và Trần Tấn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T1 là bộ đội xuất ngũ, bị cáo T có nhiều người thân có công với cách mạng như bác ruột Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn Ú là liệt sĩ, bà nội Võ Thị H6 là mẹ Việt Nam anh

H7; các bị cáo T1, T có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T mức án 03 năm tù, bị cáo T1 mức án 02 năm 06 tháng tù. Mức khung hình phạt truy tố các bị cáo có mức án tù từ 05 năm đến 10 năm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tuyên phạt bị cáo T 03 năm tù, bị cáo T1 02 năm 06 tháng tù là đã xem xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra và phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không xuất trình được tài liệu chứng cứ, tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Bị cáo T1 nộp giấy xác nhận của láng giềng xác định bị cáo có nhân thân tốt nhưng đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng xem xét cho bị cáo, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo T1. Vì vậy giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Lời bào chữa của luật sư T5 bào chữa cho bị cáo T: đề nghị hủy bản án sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận do quyết định phê chuẩn khởi tố bị can thể hiện tại bút lục số 38, 39, 40, 41, 67, 68 trong hồ sơ vụ án; đối với Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Nguyễn Hoàng P được cơ quan giám định thực hiện trên cơ thể sống của bị hại Nguyễn Hoàng P và Giấy chứng nhận thương tích là phù hợp quy định pháp luật; đối với đề nghị áp dụng cho bị cáo T hưởng án treo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự không có căn cứ chấp nhận do hành vi phạm tội của bị cáo T có tính chất côn đồ.

[7] Lời bào chữa của luật sư N bào chữa cho bị cáo T1: Đề nghị áp dụng cho bị cáo hưởng án treo và xem xét hành vi của bị cáo T1 không có tính côn đồ, chỉ gây thương tích cho P là 02% trong tình thế cấp thiết và tự ý chấm dứt hành vi phạm tội không có căn cứ chấp nhận, do bị cáo T1 cùng tiếp nhận ý chí bị cáo K và bị cáo T cùng nhau thực hiện tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra mà các bị cáo cùng thực hiện.

[8] Các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực D-Vĩnh Long.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2025.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 03 (Ba) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ điểm c khoản 3 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Tấn T1 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

5. Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Công K, Nguyễn Thanh T, Trần Tấn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKTI -TANDTC: 02;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND khu vực D-Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực D-Vĩnh Long: 01;
- Phòng THADS khu vực D-Vĩnh Long: 01;
- Bị cáo, trại giam: 04;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Công an phường P: 03;
- Lưu Văn phòng: 01;
- Phòng GD, KTTT&THA tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Võ Thị Mỹ Dung